

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG HÀ GIANG 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Hà Giang 1, ngày tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HÀ GIANG 1

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các Danh mục thông tin của Ủy ban nhân dân phường, bao gồm:

1. Danh mục thông tin phải được công khai (Phụ lục I).
2. Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (Phụ lục II).

Điều 2. Hình thức, thời điểm công khai

Hình thức, thời điểm công khai thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Văn phòng HĐND và UBND:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân phường thực hiện việc cập nhật, công khai thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

b) Trực tiếp thực hiện việc cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân phường tạo ra theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội; Trung tâm Dịch vụ công:

Phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND trong thực hiện việc cập nhật,

công khai, cung cấp thông tin theo Điều 1 trên Trang thông tin điện tử của phường hoặc bằng các hình thức phù hợp theo quy định pháp luật.

3. Các phòng, ban ngành, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND trong thực hiện việc cập nhật, công khai, cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực tham mưu quản lý theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Thủ trưởng các phòng, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTr Đảng ủy; HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT UBND phường;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam phường;
- LĐ Văn phòng HĐND và UBND phường
- CV phụ trách Trang thông tin điện tử phường;
- Các tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, CV (đ/c Giang).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Xuân Mạnh

PHỤ LỤC I

Danh mục thông tin được công khai theo quy định tại

Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của Ủy ban nhân dân Phường Hà Giang 1)

1. Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường;
2. Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân phường;
3. Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;
4. Chương trình, Dự án, Đề án, Kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;
5. Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;
6. Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;
7. Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;
8. Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;
9. Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;
10. Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển

dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

11. Danh mục thông tin phải công khai theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật này; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

12. Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

13. Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

14. Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật

PHỤ LỤC II**Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo
quy định tại Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2026 của
Ủy ban nhân dân phường Hà Giang 1)*

1. Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh: Chỉ được tiếp cận khi chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.
2. Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân: Chỉ được tiếp cận khi người đó đồng ý.
3. Thông tin liên quan đến bí mật gia đình: Chỉ được tiếp cận khi các thành viên gia đình đồng ý.
4. Trường hợp đặc biệt: Người đứng đầu cơ quan (*Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường*) quyết định cung cấp các thông tin nêu trên mà không cần sự đồng ý trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng hoặc sức khỏe của cộng đồng theo luật định.